



Thư Trì, ngày tháng 6 năm 2026

Dự thảo

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THƯ TRÌ NĂM 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; Phương án số 97/PA-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026. Ủy ban nhân dân xã Thuri xây dựng Đề án sắp xếp thôn năm 2026, như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;
2. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;
3. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;
4. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;
5. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
6. Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

7. Phương án số 97/PA-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về Tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

8. Thông báo Kết luận số 79-TB/ĐU của Đảng ủy xã Thụ Trì ngày 08/06/2026 về việc nhất trí chủ trương sắp xếp thôn trên địa bàn xã Thụ Trì.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP SẮP XẾP THÔN

1. Xuất phát từ thực trạng tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn

Xã Thụ Trì có diện tích tự nhiên là 2.097,44 ha¹, với 8.540² hộ gia đình và 26.224 nhân khẩu thường trú. Trên địa bàn xã có 17 thôn, 31 người hoạt động không chuyên trách tại các thôn. Hiện nay, trên địa bàn xã có 12 thôn có số quy mô dân số đạt từ 400 hộ gia đình trở lên; có 05 thôn có quy mô dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định (400 hộ gia đình); tương đương 29% thôn trên địa bàn xã có quy mô nhỏ, không đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

2. Xuất phát từ yêu cầu thực tế

- Xuất phát từ thực tế sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, số lượng thôn trên địa bàn xã tăng lên nhiều, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương.

- Từ tình hình thực tế của thôn hiện nay:

+ Một số thôn³ có quy mô dân số nhỏ, diện tích phân tán, chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định; gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động cộng đồng.

+ Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các thôn quy mô nhỏ còn dàn trải, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao, dễ dẫn đến lãng phí ngân sách.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn là thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn nhằm giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người trực tiếp tham gia công việc tại thôn; tinh gọn bộ máy, kiện toàn nâng cao chất lượng của người hoạt động không chuyên trách thôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phần II

HIỆN TRẠNG SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ THỤ TRÌ

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh, Ủy ban nhân dân

¹ Theo công văn số 848/SNNMT-ĐKCGCN&GD ngày 06/02/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc cung cấp số liệu về diện tích tự nhiên địa bàn các xã, phường tỉnh Hưng Yên.

² Theo công văn số 464/CV-CAX ngày 25/5/2026 của Công An xã Thụ Trì về việc cung cấp danh sách số hộ khẩu, nhân khẩu đang thường trú, tạm trú trên địa bàn xã Thụ Trì.

³ Thôn Văn Lãng, thôn An Lợi, thôn Ba, thôn Phú Mãn, thôn Nam Hưng

xã Thụ Trì đã tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng tổ chức, hoạt động của các thôn trên địa bàn nhằm làm cơ sở xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

1. Hiện trạng số lượng thôn

- 1.1. Tổng số thôn: Hiện nay, trên địa bàn xã Thụ Trì có tổng số 17 thôn.
- 1.2. Số hộ gia đình của các thôn: 8.540 hộ gia đình⁴.
- 1.3. Số dân của các thôn: 26.224 người⁵.

2. Số lượng thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

- 2.1. Số thôn chưa đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình: 05 thôn;
- 2.2. Số thôn sắp xếp, tổ chức lại: 10 thôn.
- 2.3. Số thôn giải thể do sắp xếp, tổ chức lại thôn: 01 thôn.

3. Số lượng thôn không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

Tổng số thôn: 01 thôn, trong đó:

- 3.1. Số thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định: 01 thôn⁶;
- 3.2. Số thôn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình nhưng không sắp xếp do có yếu tố đặc thù: Không.

(Số liệu chi tiết tại phụ lục 1A, 1B kèm theo Đề án)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ THỤ TRÌ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

1. Nhập toàn bộ thôn Lại Xá vào thôn Trung Nha

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Đoàn Kết.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
+ Số hộ gia đình: 1.080 hộ gia đình.
+ Số nhân khẩu: 3.372 người; trong đó: 75 đảng viên.
- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Đoàn Kết.

Các thôn liên kề: Phía Đông giáp phường Thái Bình; phía Tây giáp: thôn Thanh Trai; phía Nam giáp: xã Vũ Thụ ; phía Bắc giáp thôn Nội Lăng.

- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Trung Nha (cũ).
- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: Tạm thời sử dụng Sân thể thao thôn Trung Nha (cũ). Sau khi sắp xếp sẽ thực hiện điều chỉnh Quy hoạch phù hợp với vị trí địa lý của thôn.

⁴ Hộ thường trú tại địa phương.

⁵ Số dân thường trú tại địa phương.

⁶ Thôn Thanh Trai.

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 2 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

2. Nhập toàn bộ thôn Sứy Hăng vào thôn Thanh Nội

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Nội Lãng.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 893 hộ gia đình;
 - + Số nhân khẩu: 2.833 người; trong đó: 60 đảng viên.
- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Nội Lãng.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Thanh Trai; phía Tây giáp: thôn Trung; phía Nam giáp: ĐT.454; phía Bắc giáp đê Trà Lý.
- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Sứy Hăng (cũ).
- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: 02 sân thể thao của thôn Sứy Hăng (cũ) và thôn Thanh Nội (cũ) đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm thể thao cộng đồng, phục vụ nhu cầu thực tế của nhân dân.

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 2 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

3. Nhập toàn bộ thôn Bùi Xá vào thôn Phù Lôi

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Minh Lãng.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 1.125 hộ gia đình ;
 - + Số nhân khẩu: 3.932 người; trong đó: 61 đảng viên.
- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Minh Lãng;
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Thanh Trai; phía Tây giáp: thôn Trung; phía Nam giáp: xã Vũ Thư; phía Bắc giáp ĐT.454.

- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Phù Lôi (cũ).
- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: Sân thể thao của thôn Bùi Xá (cũ).
- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 2 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

4. Nhập toàn bộ thôn An Lợi vào thôn Trung

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Trung.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 907 hộ gia đình
 - + Số nhân khẩu: 2.752 người; trong đó: 77 đảng viên.
- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Trung.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Minh Lãng; phía Tây giáp: thôn Phương Cáp; phía Nam giáp: thôn Đông Phú ; phía Bắc giáp thôn Văn Hội.
- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Hội trường thôn An Lợi.
- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: 02 sân thể thao của thôn Trung (cũ) và thôn An Lợi (cũ) đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm thể thao cộng đồng, phục vụ nhu cầu thực tế của nhân dân.
- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 2 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thôn An Lợi không đạt tiêu chuẩn về Quy mô số hộ gia đình⁷ theo quy định (thuộc diện phải sắp xếp, tổ chức lại), có địa giới liền kề với thôn Trung; 02 thôn có giao thông kết nối thuận lợi, Nhân dân có nhiều nét tương đồng về lịch sử hình thành, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; sau sáp nhập đảm bảo về quy mô số hộ gia đình; các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, việc sáp nhập cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

5. Nhập toàn bộ thôn Nam Hưng, thôn Phú Mãn vào thôn Ba

⁷ Tỷ lệ % về quy mô số hộ gia đình của thôn được tính theo tiêu chuẩn của thôn tương ứng quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố.

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Đông Phú.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 1.011 hộ gia đình
 - + Số nhân khẩu: 2.969 người; trong đó: 108 đảng viên.
- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Đông Phú.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Nội Lãng ; phía Tây giáp: thôn Phương Cáp ; phía Nam giáp: thôn Trung ; phía Bắc giáp: xã Trà Lý.
- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Ba (cũ).
- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: 03 sân thể thao của thôn Ba (cũ), thôn Nam Hưng (cũ) và thôn Phú Mãn (cũ) đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm thể thao cộng đồng, phục vụ nhu cầu thực tế của nhân dân.
- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 3 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tiếp tục được quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Cả 03 thôn đều không đạt tiêu chuẩn về Quy mô số hộ gia đình theo quy định (thuộc diện phải sắp xếp, tổ chức lại), có địa giới liền kề với nhau; giao thông kết nối thuận lợi, Nhân dân có nhiều nét tương đồng về lịch sử hình thành, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; sau sáp nhập đảm bảo về quy mô số hộ gia đình; các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, việc sáp nhập cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

6. Nhập toàn bộ thôn Văn Lãng vào thôn Hội

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Văn Hội.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 836 hộ gia đình
 - + Số nhân khẩu: 2.268 người; trong đó: 62 đảng viên.
- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Văn Hội.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Nội Lãng; phía Tây giáp: thôn Hiệp Hoà ; phía Nam giáp: xã Vũ Thư; phía Bắc giáp: thôn Trung.
- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Hội (cũ).
- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: Sân thể thao của thôn Văn Lãng (cũ).
- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 2 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ

tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.....

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Thôn Văn Lãng không đạt tiêu chuẩn về Quy mô số hộ gia đình theo quy định (thuộc diện phải sắp xếp, tổ chức lại), có địa giới liền kề với thôn Hội; 02 thôn có giao thông kết nối thuận lợi, Nhân dân có nhiều nét tương đồng về lịch sử hình thành, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; sau sáp nhập đảm bảo về quy mô số hộ gia đình; các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, việc sáp nhập cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

7. Giải thể thôn Đức Hiệp (402 hộ)

Lí do: Thôn Đức Hiệp có quy mô số hộ gia đình vừa đủ theo quy định. Tuy nhiên về vị trí địa lý Thôn Đức Hiệp hiện tại 1 phần nhỏ bị chia tách riêng biệt bởi đường ĐT.454 dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, điều hành. Vì vậy, việc giải thể thôn Đức Hiệp để tổ chức lại nhằm mục đích tạo thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư.

+ Một phần thôn Đức Hiệp (xóm Tự Do) có số hộ (92 hộ) gia đình đang sinh sống trong khu vực phía Bắc ĐT.454, có vị trí địa lý liền kề trực tiếp với thôn Phương Cáp (814 hộ). Việc nhập 92 hộ gia đình xóm Tự Do thôn Đức Hiệp vào 814 hộ gia đình của thôn Phương Cáp bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư.

+ Phần còn lại của thôn Đức Hiệp số hộ (310 hộ) gia đình thuộc các xóm Thành Công, Chiến Đấu, Quyết Chiến, Quyết Thắng có vị trí địa lý liền kề trực tiếp với thôn An Đức (690 hộ) tương đồng về lịch sử hình thành, đời sống sinh hoạt, phong tục tập quán và các hoạt động cộng đồng dân cư. Việc nhập 310 hộ thôn Đức Hiệp vào thôn 690 hộ gia đình của thôn An Đức bảo đảm quy mô số hộ gia đình theo quy định, thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động của cộng đồng dân cư.

8. Nhập một phần (92 hộ gia đình thuộc xóm Tự Do) thôn Đức Hiệp vào thôn Phương Cáp

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Phương Cáp.
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu thôn:

+ Số hộ gia đình: 906 hộ gia đình (Toàn bộ 814 hộ gia đình của thôn Phương Cáp và 92 hộ gia đình của xóm Tự Do thôn Đức Hiệp);

+ Số nhân khẩu: 2.787 người (Toàn bộ 2.508 hộ gia đình của thôn Phương Cáp và 279 hộ gia đình của xóm Tự Do thôn Đức Hiệp); trong đó: 76 đảng viên

(Toàn bộ 67 đảng viên thôn Phương Cáp và 09 Đảng viên xóm Tự do thôn Đức Hiệp).

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Đông Phú; phía Tây giáp: thôn Hiệp Hoà; phía Nam giáp: thôn Hiệp Hoà; phía Bắc giáp: đê Trà Lý.

- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Phương Cáp.

- Sân thể thao của thôn: Sân thể thao của thôn Phương Cáp.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Xóm Tự do của thôn Đức Hiệp (cũ) nằm tách hẳn qua đường ĐT454 so với thôn Đức Hiệp và liền kề với thôn Phương Cáp; việc nhập một phần của thôn Đức Hiệp (xóm Tự do) đảm bảo về vị trí địa lý; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo; đồng thời phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, việc sáp nhập cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân.

9. Nhập phần còn lại (310 hộ gia đình thuộc các xóm Thành Công, Chiến Đấu, Quyết Chiến, Quyết Thắng) của thôn Đức Hiệp vào thôn An Đề

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn mới là: Thôn Hiệp Hoà.

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 1.000 hộ gia đình (Toàn bộ 690 hộ gia đình thôn An Đề và 310 hộ gia đình thôn Đức Hiệp).

+ Số nhân khẩu: 3.087 người (Toàn bộ 2.118 người thôn An Đề và 969 người thôn Đức Hiệp); trong đó: 116 đảng viên (Toàn bộ 74 đảng viên thôn An Đề và 42 đảng viên thôn Đức Hiệp).

- Dự kiến thành lập 01 chi bộ đảng tại thôn Hiệp Hoà.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: Thôn Phương Cáp; phía Tây giáp: xã Vạn Xuân; phía Nam giáp: xã Vạn Xuân; phía Bắc giáp đê Trà Lý.

- Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn An Đề (cũ).

- Sân thể thao của thôn sau sắp xếp: 02 sân thể thao của thôn An Đề (cũ) và thôn Đức Hiệp (cũ) đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm thể thao cộng đồng, phục vụ nhu cầu thực tế của nhân dân.

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện của 2 thôn đều tương đồng, bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.....

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: 02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân; thuận tiện cho việc quản lý, thiết chế văn hóa, truyền thống, lịch sử, tôn giáo.

10. Giữ nguyên thôn Thanh Trai, không sắp xếp, tổ chức lại

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn

- Tên gọi của thôn: Thôn Thanh Trai.
 - Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu thôn:
 - + Số hộ gia đình: 782 hộ gia đình.
 - + Số nhân khẩu: 2.224 người; trong đó: 58 đảng viên.
 - Các thôn liền kề: Phía Đông giáp: thôn Đoàn Kết; phía Tây giáp: thôn Minh Lăng và thôn Nội Lăng; phía Nam giáp: xã Vũ Thư; phía Bắc giáp thôn Nội Lăng;
 - Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: Nhà Văn hóa thôn Thanh Trai.
 - Sân thể thao của thôn: Sân thể thao của thôn Thanh Trai.
- b) Lý do không sắp xếp, tổ chức lại: Đã đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định.

(có phụ lục 2A, 2B kèm theo Đề án)

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ

Trước khi sắp xếp xã Thư Trì có 17 thôn.

Sau khi sắp xếp, xã Thư Trì còn 09 thôn (giảm 08 thôn).

Toàn bộ 09 thôn đạt tiêu chí về quy mô hộ gia đình theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, CÁC CHỨC DANH KHÁC CÓ LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN

1. Thực trạng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và các chức danh khác có liên quan

1.1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Tổng số 31 người, trong đó:

- Chia ra cụ thể theo các chức danh:
 - + Bí thư Chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận: 15 người;
 - + Bí thư Chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận kiêm Trưởng thôn: 02 người;
 - + Trưởng thôn: 14 người.
- Chia theo độ tuổi:
 - + Dưới 40 tuổi: Không;
 - + Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 02 người;
 - + Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 12 người;
 - + Trên 60 tuổi: 17 người (trong đó trên 70 tuổi: 06 người).
- Chia theo trình độ đào tạo:

- + Trên đại học: 0 người;
- + Đại học: 04 người;
- + Cao đẳng, trung cấp: 03 người;
- + Phổ thông: 24 người.

- Số lượng thừa/thiếu: Thiếu 01 Trưởng thôn; lý do: Trưởng thôn đã từ trần vào tháng 3/2026, do chủ trương sắp xếp nên chưa kiện toàn.

(có phụ lục 3A kèm theo Đề án)

1.2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn đang hưởng theo các quy định của tỉnh Thái Bình cũ

Tổng số 89 người, trong đó:

- Theo các chức danh *(không tính người kiêm nhiệm)* quy định tại Nghị quyết 31/2024/NQ-HĐND (tỉnh Thái Bình cũ):

- + Phó Bí thư chi bộ: 13 người;
- + Phó Trưởng thôn: 17 người;
- + Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh: 16 người;
- + Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ: 15 người;
- + Bí thư Chi đoàn Thanh niên: 14 người;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân: 14 người;
- Chia theo độ tuổi:
 - + Dưới 40 tuổi: 17 người;
 - + Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 10 người;
 - + Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 13 người;
 - + Trên 60 tuổi: 49 người (trong đó trên 70 tuổi: 14 người);
- Chia theo trình độ đào tạo:
 - + Trên đại học: Không;
 - + Đại học: 13 người;
 - + Cao đẳng, trung cấp: 21 người;
 - + Phổ thông: 55 người;
- Số lượng thừa/thiếu: Đủ.

(có phụ lục 3B kèm theo Đề án)

1.3. Các trường hợp người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo các quy định của Trung ương, tỉnh:

Hiện nay, tổng số người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp, bồi dưỡng theo quy định của Trung ương, tỉnh là 112 người. Trong đó:

- Người tham gia lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở: 35 người;

- Người tham gia lực lượng dân quân tự vệ (Thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, khẩu đội trưởng): 46 người;
- Y tế thôn kiêm Cộng tác viên dân số: 31 người;
- Các chức danh khác: Không.

1.4. Đánh giá chung về số lượng, hoạt động của các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và người tham gia công việc khác của thôn

Nhìn chung, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn và người tham gia công việc khác của thôn cơ bản có tinh thần trách nhiệm, am hiểu địa bàn dân cư, tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động tại khu dân cư; góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương; duy trì ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và thực hiện các phong trào thi đua tại cơ sở.

Tuy nhiên, một số thôn trên địa bàn xã chưa bảo đảm điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định, số lượng người hoạt động không chuyên trách còn phân tán theo từng thôn, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Qua rà soát cho thấy, việc xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn gắn với cơ cấu, bố trí hợp lý đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và người tham gia công việc khác của thôn là cần thiết nhằm tinh gọn đầu mối, phát huy năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ thôn, đồng thời bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định.

2. Phương án sắp xếp, bố trí sau sắp xếp, tổ chức lại thôn

2.1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức sau sắp xếp thôn

- Tổ chức thôn sau sắp xếp: Dự kiến mỗi thôn có 03 chức danh Người hoạt động không chuyên trách ở thôn (01 Bí thư Chi bộ thôn; 01 Trưởng thôn; 01 Trưởng Ban công tác Mặt trận); phương án thành lập các chi bộ, các chi hội, tổ chức đoàn thể và số lượng người đảm nhiệm theo quy định hiện hành.

- Đối với Chi bộ thôn: Dự kiến có 09 chi bộ/09 thôn trên toàn xã. Việc kiện toàn các tổ chức trên tại thôn khi có biến động về tổ chức của thôn thực hiện thống nhất trên toàn xã, theo quy định hiện hành và hướng dẫn của cấp trên.

2.2. Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn, tổ dân phố sau sắp xếp

A. Nguyên tắc bố trí:

+ Các chức danh bầu cử thực hiện theo quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở thôn, người tham gia hoạt động của thôn

là thành viên, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

+ Căn cứ quy định tại Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của Chi bộ, Ban công tác Mặt trận và Chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; cơ quan có liên quan xem xét hướng dẫn quy trình và ban hành quyết định công nhận và cho thôi làm người tham gia hoạt động ở thôn.

+ Việc bố trí kiêm nhiệm các chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, người tham gia hoạt động ở thôn được bố trí căn cứ vào tình hình thực tế công việc, tính chất đặc thù của từng nhiệm vụ và nguồn nhân sự tại địa phương để thực hiện việc bố trí kiêm nhiệm.

+ Việc phân công nhiệm vụ công tác và bố trí kiêm nhiệm chức danh phải đảm bảo các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có người đảm nhiệm; các chức danh do một người kiêm nhiệm phải có tính tương đồng, phù hợp với chuyên môn, năng lực công tác; việc bố trí kiêm nhiệm phải đảm bảo cân đối mức thu nhập với số lượng người làm việc tối đa của địa phương.

B. Phương án cụ thể theo từng vị trí, chức danh ở thôn; tổng số người hoạt động trước sắp xếp; số tiếp tục bố trí; số lượng dôi dư sau sắp xếp:

Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn:

+ Số lượng trước sắp xếp: Tổng số 31 người, gồm: 15 Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác mặt trận, 02 Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận kiêm Trưởng thôn; 14 Trưởng thôn.

+ Phương án bố trí: Sau sắp xếp dự kiến bố trí 03 chức danh, cụ thể: 09 Bí thư Chi bộ, 09 Trưởng thôn; 09 Trưởng ban Công tác mặt trận;

+ Số lượng Người hoạt động bán chuyên trách thôn dôi dư theo từng thôn sau sắp xếp, tổ chức lại (có phụ lục 3D kèm theo Đề án).

+ Về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn dôi dư sau sắp xếp:

Đối với các trường hợp tiếp tục tham gia công tác sau sắp xếp: Thực hiện chế độ phụ cấp, bồi dưỡng và các chế độ khác theo quy định; Tạo điều kiện tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác.

Đối với các trường hợp dôi dư: Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng và ổn định tình hình tư tưởng tại cơ sở.

Đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn:

+ Hiện nay, tổng số người trực tiếp tham gia ở thôn đang hưởng bồi dưỡng theo quy định là 89 người, trong đó: Phó Bí thư chi bộ: 13 người; Phó trưởng thôn: 17 người; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh: 16 người; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ: 15 người; Bí thư Chi đoàn Thanh niên: 14 người; Chi hội Nông dân: 14 người;

+ Phương án bố trí: Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, UBND xã sẽ tiến hành rà soát toàn diện đội ngũ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn để xây dựng phương án bố trí phù hợp với mô hình tổ chức mới, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả và đúng quy định. Sau sắp xếp dự kiến bố trí 11 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, số lượng người tham gia dự kiến tối đa không quá 09 người/thôn. Tổng dự kiến 81 người.

+ Số lượng Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn dôi dư theo từng thôn sau sắp xếp, tổ chức lại (có phụ lục 3D kèm theo Đề án).

Ngoài ra, Các trường hợp người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo các quy định của Trung ương, tỉnh:

+ Số lượng trước sắp xếp: 112 người, trong đó: Người tham gia lực lượng an ninh trật tự cơ sở: 35 người; Các Trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng, tiểu đội trưởng của lực lượng dân quân tự vệ: 46 người; Y tế thôn kiêm cộng tác viên dân số: 31 người.

+ Phương án bố trí: Tạm thời sáp nhập nguyên trạng về số lượng các thành viên, tổ trưởng, tổ phó; sau khi có tên thôn chính thức, trong thời gian sớm nhất sẽ tiến hành kiện toàn theo quy định và hướng dẫn của cấp trên.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ THÔN DÔI DƯ SAU SẮP XẾP

1. Số lượng Trụ sở thôn (Nhà văn hóa thôn) hiện có

Tổng số hiện có: 16 (Thôn Trung chưa có Nhà văn hóa thôn);

Tổng số dự kiến sử dụng: 09;

Tổng số dôi dư: 07.

2. Số lượng Khu thể thao hiện có

Tổng số hiện có: 13 (Các thôn Phương Cáp, thôn Hội, thôn Lại Xá, thôn Phù Lôi chưa có Khu thể thao);

Tổng số dự kiến sử dụng: 09;

Tổng số dôi dư: 04.

Đối với các nhà văn hóa và khu thể thao tiếp tục sử dụng: Tiếp tục quản lý, khai thác phục vụ sinh hoạt cộng đồng, hội họp, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại các thôn mới; Từng bước đầu tư, sửa chữa, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của cộng đồng dân cư sau sắp xếp.

Đối với các nhà văn hóa, khu thể thao dôi dư: Sử dụng làm địa điểm sinh

hoạt cộng đồng, điểm sinh hoạt văn hóa, nơi hội họp của các đoàn thể hoặc phục vụ các nhiệm vụ công ích tại địa phương.

(có phụ lục 4 kèm theo Đề án)

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP THÔN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

Là cơ quan Thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện sắp xếp các thôn trên địa bàn xã; xây dựng Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn địa bàn xã, báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân xã trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét, chỉ đạo. Căn cứ Phương án tổng thể của Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Văn hóa - Xã hội xã xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trình cấp có thẩm quyền bảo đảm đúng tiến độ, quy trình theo quy định; Tham mưu UBND xã dự trù kinh phí thực hiện.

Chủ trì công tác tuyên truyền, vận động nhân dân về chủ trương sắp xếp thôn; phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các thôn theo đúng quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở; quản lý chặt chẽ công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là trên không gian mạng; phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả gây hoang mang cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp, tổ chức lại thôn; Theo dõi, tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân; Thông báo kết quả các Hội nghị lấy ý kiến Nhân dân; Báo cáo Thường trực Đảng ủy; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định;

Tham mưu kiện toàn, xây dựng phương án nhân sự và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh không chuyên trách ở thôn và các chức danh khác ở thôn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 21/CT-TTg và các quy định, hướng dẫn hiện hành.

Rà soát, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn dư do sắp xếp, tổ chức lại thôn nghỉ ngay khi có Nghị quyết sắp xếp, tổ chức lại thôn của HĐND xã.

2. Phòng Kinh tế xã

Rà soát, thống kê cơ sở hạ tầng thiết yếu của từng thôn trước và sau khi sắp xếp; đề xuất phương án sử dụng có hiệu quả tài sản công của thôn sau sáp nhập; kiến nghị UBND xã các dự án đầu tư ưu tiên cho các thôn khó khăn sau sắp xếp.

Chủ trì, hướng dẫn việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn; kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn và kinh phí giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách thôn thôi không tiếp tục công tác khi sắp xếp, tổ

chức lại thôn theo quy định.

Tham mưu UBND xã bố trí về nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách (bao gồm chế độ về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế) đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị có liên quan trong việc tham mưu, xây dựng Phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn trên địa bàn xã theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội chuẩn bị hồ sơ Đề án (Tờ trình, dự thảo Nghị quyết HĐND, báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân); chủ trì tham mưu tổ chức kỳ họp HĐND để thông qua Đề án và các công việc phát sinh khác.

4. Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã

Hướng dẫn người dân và cán bộ thôn các thủ tục hành chính liên quan đến thay đổi địa danh thôn sau sắp xếp; tiếp nhận và giải quyết thủ tục điều chỉnh thông tin trên các giấy tờ liên quan.

5. Công an xã

Chủ động nắm tình hình địa bàn; phối hợp với chính quyền địa phương trong việc rà soát, cung cấp số liệu về số hộ gia đình cư trú trên địa bàn để các địa phương xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn.

Kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh trật tự trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở.

6. Trạm Y tế xã

Rà soát, cập nhật danh sách hộ gia đình thuộc địa bàn quản lý sức khỏe theo đơn vị thôn mới sau sắp xếp; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu không bị gián đoạn.

7. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn xã

Cập nhật thông tin địa bàn quản lý học sinh theo đơn vị thôn mới; đảm bảo hoạt động dạy và học không bị ảnh hưởng; phối hợp tuyên truyền đến phụ huynh học sinh về chủ trương sắp xếp thôn.

8. Trung tâm dịch vụ Tổng hợp xã

Thực hiện tuyên truyền thường xuyên về chủ trương sắp xếp thôn, nội dung Chỉ thị 21/CT-TTg; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức

lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026 và Đề án sắp xếp thôn của xã Thụ Trì trên hệ thống loa truyền thanh toàn xã.

9. Các thôn (17 thôn trước sắp xếp)

Bí thư chi bộ chủ trì tổ chức họp thôn để tuyên truyền, lấy ý kiến Nhân dân về Phương án sắp xếp thôn theo đúng quy trình dân chủ ở cơ sở; lập biên bản họp thôn và tổng hợp ý kiến gửi UBND xã.

10. Đề nghị Ban xây dựng Đảng

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy xã, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp, tổ chức lại thôn; phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã hướng dẫn bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn bảo đảm tiêu chí, tiêu chuẩn, công khai, minh bạch, khách quan, đáp ứng yêu cầu của địa bàn dân cư, quản lý của địa phương khi vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp.

11. Đề nghị Ủy ban MTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Chủ trì thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Ban Công tác mặt trận và các chi hội đoàn thể tại thôn đồng bộ với sắp xếp, tổ chức lại thôn. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong việc tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân đồng thuận với chủ trương sắp xếp thôn; tham gia giám sát quá trình sắp xếp bảo đảm công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Nhân dân.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sáp nhập 17 thôn thành 09 thôn trên địa bàn xã đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí vận hành và giải quyết thực trạng thôn quá nhỏ, khó hoạt động hiệu quả.

Các thôn được lựa chọn sắp xếp đều có vị trí địa lý liên kề, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán và có mối quan hệ cộng đồng dân cư gắn bó lâu dài. Hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức sinh hoạt cộng đồng sau sắp xếp.

Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn không làm ảnh hưởng lớn đến đời sống sinh hoạt của Nhân dân; đồng thời góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ ở thôn, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn mới.

Đề án được xây dựng dựa trên thực tế địa phương, đảm bảo sự đồng thuận của nhân dân và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

2. Kiến nghị, đề xuất:

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã và thực hiện chế độ chính sách đối với người dôi dư sau sắp xếp; có kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng, hỗ trợ đào tạo đội ngũ Bí thư, phó Bí thư chi bộ, trưởng thôn, phó thôn về kỹ năng quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư và hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các thôn sau sắp xếp.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Thụ Trì năm 2026. Ủy ban nhân dân xã Thụ Trì, kính trình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy - TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lục

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THU TRI

PHỤ LỤC 1A
THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THU TRI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Thu Tri)

STT	Tên thôn/ tổ dân phố	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Thuộc diện giải thể	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Ghi chú
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thôn Lại Xá	497	124	1537		X			
2	Thôn Trung Nha	583	146	1835		X			
3	Thôn Sứy Hăng	411	103	1294		X			
4	Thôn Thanh Trai	782	196	2224				X	
5	Thôn Thanh Nội	482	121	1539		X			
6	Thôn Bùi Xá	550	138	1816		X			
7	Thôn Phù Lôi	575	144	2116		X			
8	Thôn Trung	584	146	1787		X			
9	Thôn Ba	398	100	1197		X			
10	Thôn Nam Hưng	387	97	1084		X			
11	Thôn Hội	520	130	1369		X			
12	Thôn An Lợi	323	81	965		X			
13	Thôn Văn Lăng	316	79	899		X			
14	Thôn Phú Mãn	226	57	688		X			
15	Thôn Phương Cáp	814	204	2508		X			
16	Thôn An Đẽ	690	173	2118		X			
17	Thôn Đức Hiệp	402	101	1248			X		
Tổng số: 17 thôn		8540		26224		X			

Ghi chú:

Tỷ lệ % về quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố được tính theo tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố tương ứng quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 1B

THỐNG KÊ THÔN/ TỔ DÂN PHỐ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Thư Trì)

STT	Tên thôn (TDP)	Số hộ gia đình	Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %)	Số dân	Lý do không thực hiện sắp xếp (Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp)
1	2	3	4	5	6
I	KHÔNG SẮP XẾP DO ĐÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH				
1	Thôn Thanh Trai	782	196	2224	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
	Tổng số: 01 thôn				
II	CHƯA ĐẠT TIÊU CHUẨN NHƯNG KHÔNG SẮP XẾP DO CÓ CÁC YẾU TỐ ĐẶC THÙ				
1	Không				
	Tổng số: Không				

* Ghi chú: Tổng số thôn, TDP không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tại PL 1A phải thống nhất số liệu với Phụ lục 1B

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 2A

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn/tổ dân phố trên địa bàn xã Thụ Trì

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Thới Trị)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐỐI VỚI XÃ THƯ TRÌ: 15 Thôn thực hiện sắp xếp, 01 thôn giải thể, giữ nguyên 01 thôn. Sau sắp xếp còn 09 thôn, giảm 08 thôn.									
1	Thôn Lại Xá	497	1.537	Thôn Đoàn Kết	1080	270	3.372	02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Trung Nha	583	1.835						
2	Thôn Suý Hăng	411	1.294	Thôn Nội Lãng	893	223	2833	02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Thanh Nội	482	1.539						
3	Thôn Bùi Xá	550	1.816	Thôn Minh Lãng	1125	281	3932	02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Phù Lôi	575	2.116						
4	Thôn Trung	584	1.787	Thôn Trung	907	227	2752	02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn An Lợi	323	965						

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Thôn Ba	398	1.197	Thôn Đông Phú	1011	253	2969	3 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 57% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Nam Hưng	387	1.084						
	Thôn Phú Mãn	226	688						
6	Thôn Hội	520	1.369	Thôn Văn Hội	836	209	2268	02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Văn Lăng	316	899						
7	Thôn Phương Cáp	814	2.508	Thôn Phương Cáp	906	227	2.787	Vị trí địa lý liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Một phần của thôn Đức Hiệp (Xóm Tự do)	92	279						
8	Thôn An Đề	690	2.118	Thôn Hiệp Hoà	1000	250	3087	02 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Phần còn lại của Thôn Đức Hiệp (Xóm Thành Công, Chiến Đấu, Quyết Chiến, Quyết Thắng)	310	969						
9	Thôn Thanh Trai	782	2.224	Giữ nguyên	782	196	2224	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
	TỔNG	8.540	26.224		8.540		26.224		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 2B

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn xã Thư Trì
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Thư Trì)

TT	Tên xã, phường	Số thôn, tổ dân phố trước sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn/ tổ dân phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn/tổ dân phố không thực hiện sắp xếp		Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng phương án sắp xếp, tổ chức lại				Số thôn giảm	Số người HĐ KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú
				Do đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên	Khác					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Xã Thư Trì	17	16	1	0	9	7	1	0	0	8	7	15	Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã Thư Trì trước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số ĐA-UBND ngày 6/2026 của UBND xã Thư Trì)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng (đ/ tháng)	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định	Trình độ Văn hoá	Trình độ Lý luận chính trị	Ghi chú
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Thôn Lại Xá																	
1	Đỗ Trọng Ty	1952		1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	
2	Bùi Văn Thanh	1966	1	1	Trưởng thôn	2.574.000			1					1		Tốt nghiệp THCS	Sơ cấp	
II	Thôn Trung Nha																	
1	Phạm Văn Miên	1958		1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	Sơ cấp Thủ Y
2	Phạm Ngọc Xuyên	1955		1	Trưởng thôn	2.574.000				1				1	Hưu trí	Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	Có chứng chỉ Tin học
III	Thôn Sứy Hăng																	
1	Đặng Công Nguyên	1969		1	Bí thư chi bộ	2.457.000			1					1		Tốt nghiệp THPT	0	
2	Nguyễn Văn Phụng	1959		1	Trưởng thôn	2.457.000			1					1	Thương binh 22%	Tốt nghiệp THCS	Sơ cấp	
IV	Thôn Thanh Trai																	
1	Trịnh Quang Thê	1985		1	Bí thư chi bộ	2.574.000		1				1				Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	Cử nhân CNTT
2	Đỗ Đức Thuận	1970		1	Trưởng thôn	2.574.000			1					1		Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	
V	Thôn Thanh Nội																	
1	Vũ Văn Luân	1948		1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	
2	Trần Đình Lung	3/19/1905		1	Trưởng thôn	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	Sơ cấp	
VI	Thôn Bùi Xá																	
1	Phạm Thị Tuyết Mai	1964	1	1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1		1				Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	
2	Phạm Văn Chiến	1952		1	Trưởng thôn	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	0	
VII	Thôn Phù Lôi																	
1	Vũ Ngọc Dung	1962		1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	Sơ cấp Y tá
2	Hoàng Xuân Truyền	1970		1	Trưởng thôn	2.574.000			1				1			Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	Trung cấp biên phòng
VIII	Thôn Trung																	
1	Đỗ Thị Hương	1975	1	1	Bí thư chi bộ	2.574.000			1					1		Tốt nghiệp THPT	0	
2	Doãn Đức Thanh	1965			Trưởng thôn	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	0	Sơ cấp Y tá
IX	Thôn Ba																	
1	Phạm Thị Vui	1974	1	1	Bí thư chi bộ	2.457.000			1					1		Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	Sơ cấp Y tá
2	Nguyễn Đình Chung	1972		1	Trưởng thôn	2.457.000			1					1		Tốt nghiệp THCS	0	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng (đ/ tháng)	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định	Trình độ Văn hoá	Trình độ Lý luận chính trị	Ghi chú
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
X	Thôn Nam Hưng																	
1	Lê Văn Thành	1963		1	Bí thư chi bộ	2.457.000				1			1			Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	Trung cấp An Ninh
2	Hoàng Xuân Hoà	1954		1	Trưởng thôn	2.457.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	Sơ cấp	
XI	Thôn Hội																	
1	Đỗ Thị Cửu	1965	1	1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1			1			Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	10/10
2	Nguyễn Trọng Tuấn	1967			Trưởng thôn	2.574.000			1					1		Tốt nghiệp THCS	0	
XII	Thôn An Lợi																	
1	Nguyễn Xuân Chính	1982		1	Bí thư chi bộ / Trưởng thôn	4.680.000		1				1				Tốt nghiệp THPT	0	Trưởng thôn kiêm Bí thư chi bộ Cử nhân Luật
XIII	Thôn Văn Lăng																	
1	Nguyễn Thị Quyên	1975	1	1	Bí thư chi bộ	2.340.000			1					1		Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	
2	Tạ Văn Vĩnh	1961			Trưởng thôn	2.340.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	0	
XIV	Thôn Phú Mãn																	
1	Dương Đình Thâu	1969		1	Bí thư chi bộ	2.340.000			1					1		Tốt nghiệp THCS	Sơ cấp	
2	Lại Văn Tuấn	1960			Trưởng thôn	2.340.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	0	
XV	Thôn Phương Cáp																	
1	Nguyễn Văn Phong	1962		1	Bí thư chi bộ	2.574.000				1		1				Tốt nghiệp THPT	Trung cấp	
2	Bùi Ngọc Tuấn	1955		1	Trưởng thôn	2.574.000				1				1		Tốt nghiệp THCS	Sơ cấp	
XI	Thôn An Đề																	
1	Nguyễn Thái Học	1968		1	Bí thư chi bộ / Khuyết trưởng thôn	2.457.000			1					1		Tốt nghiệp THPT	0	Ông Đào Trọng Tiệp Trưởng thôn đã từ trần tháng 3/2026; khuyết trưởng thôn
XII	Thôn Đức Hiệp																	
1	Đỗ Văn Thái	1963		1	Bí thư chi bộ / Trưởng thôn	4.914.000				1				1		Tốt nghiệp THPT	Sơ cấp	Trưởng thôn kiêm Bí thư chi bộ
	Tổng số	31	6	27	31		0	2	12	17	0	4	3	24		31		

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3A phải thống nhất với số lượng tại Phụ lục số 3D

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Thư Trì trước sắp xếp, tổ chức lại (không tính chức danh kiêm nhiệm)

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND Xã Thư Trì)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Nơi công tác	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng (đ/ tháng)	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định	Ghi chú
								Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới Trung cấp		
1	2	3	4	5	6		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I	Phó Bí Thư Chi Bộ	13	6	13	13	13	13	0	3	1	9	0	2	7	4	0	
1	Phạm Đăng Chấn	1960		1	Phó Bí Thư	Thôn Phú Mãn	234.000				1				1		
2	Hoàng Văn Cường	1983		1	Phó Bí Thư	Thôn Nam Hưng	234.000		1						1		
3	Hoàng Văn Ngọc	1960		1	Phó Bí Thư		351.000			1				1			
4	Đình Thị Kim Cương	1983	1	1	Phó Bí Thư	An Lợi	234.000		1				1				
5	Nguyễn Văn Bảo	1965	1	1	Phó Bí Thư	Văn Lăng	234.000				1				1		
6	Phạm Khắc Quý	1963		1	Phó Bí thư	Phương Cáp	351.000				1			1			
7	Phạm Thị Hằng	1963	1	1	Phó Bí thư	Lại Xá	351.000				1			1			
8	Đỗ Văn Thành	1965		1	Phó Bí thư	Trung Nha	351.000				1				1		
9	Nguyễn Thị Xuân	1966	1	1	Phó Bí thư	Thanh Trai	351.000				1			1			
10	Nguyễn Thế Bằng	1981		1	Phó Bí thư	Bùi Xá	351.000		1				1				
11	Bùi Quốc Vũ	1965		1	Phó Bí thư	Phù Lôi	351.000				1			1			
12	Trần Thị Năm	1961	1	1	Phó Bí thư	Thanh Nội	351.000				1			1			
13	Nguyễn Thị Nhuận	1972	1	1	Phó Bí thư	Suối Hăng	234.000			1				1			
II	Phó Thôn	17	2	9	17	17	17	1	1	1	14	0	2	0	15	1	
1	Trần Văn Tiền	1958		1	Phó trưởng thôn	Hội	1.755.000				1				1		
2	Đặng Huy Dung	1963		1	Phó trưởng thôn	An Đề	1.755.000				1				1		
3	Đỗ Thanh Tùng	1978		1	Phó trưởng thôn	Đức Hiệp	1.638.000		1				1				
4	Phạm Ngọc Thân	1956		1	Phó trưởng thôn	Lại Xá	1.755.000				1				1		
5	Phạm Văn Phồn	1957		1	Phó trưởng thôn	Thanh Trai	1.755.000				1				1		
6	Lê Bá Thành	1965		1	Phó trưởng thôn	Ba	1.638.000				1				1		
7	Đỗ Thị Na	1958	1	1	Phó trưởng thôn	Thanh Nội	1.755.000				1				1		
8	Nguyễn Văn Khanh	1971			Phó trưởng thôn	Phù Mãn	1.521.000			1					1		
9	Phạm Thành Trung	1988			Phó trưởng thôn	Nam Hưng	1.638.000	1							1		
10	Doãn Đức Chung	1956			Phó trưởng thôn	Trung	1.755.000				1				1		
11	Nguyễn Xuân Luỹ	1948			Phó trưởng thôn	An Lợi	1.521.000				1				1		
12	Phạm Xuân Hường	1954			Phó trưởng thôn	Văn Lăng	1.521.000				1				1		
13	Trần Văn Von	1948		1	Phó trưởng thôn	Suối Hăng	1.638.000				1				1		
14	Phạm Văn Đào	1954			Phó trưởng thôn	Trung Nha	1.755.000				1				1		
15	Phạm Thị Tuyết Mai	1964	1	1	Phó trưởng thôn	Bùi Xá	1.755.000				1		1			Hưu trí	
16	Vũ Hưng Vương	1958			Phó trưởng thôn	Phù Lôi	1.755.000				1				1		
17	Đỗ Văn Hường	1954			Phó trưởng thôn	Phương Cáp	1.755.000				1				1		
III	Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ	15	15	3	15	15	15	2	3	8	2	0	2	11	2	0	
1	Trần Thị Huệ	1988	1	1	Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Thanh Trai	352.000	1					1				
2	Đào Thị Mai	1977	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Đức Hiệp	234.000		1						1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Nơi công tác	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng (đ/ tháng)	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định	Ghi chú
								Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên Đại học	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới Trung cấp		
3	Ngô Thị Phương	1988	1	1	Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Trung Nha	352.000	1					1				
4	Bùi Thị Hà	1980	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	Trung	352.000		1						1		
5	Nguyễn Thị Hồng Thanh	1970	1		Chi hội trưởng Hội Nông dân	Hội	352.000			1				1			
6	Trần Thị Thanh Hương	1972	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Ba	352.000			1				1			
7	Lê Thị Bình	1973	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Phù Lôi	352.000			1				1			
8	Trần Thị Vân	1970	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Phương Cáp	352.000			1				1			
9	Vũ Thị Hồi	1975	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Văn Lăng	234.000			1				1			
10	Đỗ Thị Thúy Hằng	1976	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	An Đề	352.000			1				1			
11	Vũ Thị Tuyết	1984	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Nam Hưng	352.000	1						1			
12	Phạm Thị Quyên	1975	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Phù Mãn	234.000			1				1			
13	Phạm Thị Huế	1967	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Bùi Xá	352.000			1				1			
14	Lại Thị Rư	1956	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Lại Xá	352.000				1			1			
15	Lại Thị Lan	1963	1		Chi hội trưởng Hội phụ nữ	Suối Hằng	352.000				1			1			
IV	Chi hội trưởng Hội Cựu Chiến Binh	16	0	3	16	16	16	0	0	0	16	0	0	0	16	0	
1	Đỗ Văn Phong	1950			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	An Đề	351.000				1				1		
2	Đỗ Như Chiến	1954			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Phương Cáp	351.000				1				1		
3	Nguyễn Văn Dũng	1961			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Đức Hiệp	234.000				1				1		
4	Nguyễn Văn Lập	1966			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Trung	351.000				1				1		
5	Trần Văn Dũng	1964			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	An Lợi	234.000				1				1		
6	Đỗ Hữu Huyền	1962			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Hội	234.000				1				1		
7	Đàm Sơn Ca	1963			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Văn Lăng	234.000				1				1		
8	Nguyễn Văn Khánh	1956			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Ba	351.000				1				1		
9	Hoàng Xuân Hòa	1952		1	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Nam Hưng	234.000				1				1		
10	Lại Văn Thông	1955			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Phù Mãn	234.000				1				1		
11	Nguyễn Trọng Bằng	1954		1	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Thanh Nội	234.000				1				1		
12	Phan Thanh Xứ	1961			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Bùi Xá	234.000				1				1		
13	Nguyễn Đức Thanh	1960			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Thanh Trai	351.000				1				1		
14	Nguyễn Đăng Suy	1950		1	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Trung Nha	234.000				1				1		
15	Nguyễn Văn Chiêm	1952			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Lại Xá	234.000				1				1		
16	Nguyễn Văn Luật	1955			Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	Suối Hằng	234.000				1				1		
V	Bí thư Chi đoàn TNCS HCM	14	6	8	14	14	14	14	0	0	0	0	6	3	5	0	
1	Lại Thị Hiền	1994		1	Bí thư chi đoàn thôn	Văn Lăng	234.000	1					1				
2	Đỗ Hữu Đức	1993			Bí thư chi đoàn thôn	Hội	351.000	1							1		
3	Vũ Thị Lan Anh	1990	1	1	Bí thư chi đoàn thôn	An Lợi	234.000	1					1				
4	Phạm Thị Thuý Linh	2004	1		Bí thư chi đoàn thôn	Ba	234.000	1							1		
5	Lê Quang Đạo	2002		1	Bí thư chi đoàn thôn	Nam Hưng	234.000	1							1		
6	Đặng Thị Ngọc Lan	1995	1		Bí thư chi đoàn thôn	An Đề	315.000	1						1			
7	Đỗ Ngọc Công	1997		1	Bí thư chi đoàn thôn	Đức Hiệp	234.000	1							1		
8	Phạm Đức Vinh	1990		1	Bí thư chi đoàn thôn	Phương Cáp	351.000	1					1				
9	Vũ Trà My	2002	1		Bí thư chi đoàn thôn	Trung Nha	351.000	1					1				
10	Nguyễn Thanh Bình	1990		1	Bí thư chi đoàn thôn	Phù Lôi	351.000	1					1				

PHỤ LỤC 3C

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Thụ Trì

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Thới Trị)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn																				Ghi chú	
			Trước khi sắp xếp thôn										Sau khi sắp xếp thôn											Số sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp
			Tổng số	Trong đó									Tổng số	Trong đó										
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Lực lượng an ninh trật tự cơ sở Thôn	Tổ dân phòng	Tổ dân quân tự vệ		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Lực lượng an ninh trật tự cơ sở Thôn	Tổ dân phòng	Tổ dân quân tự vệ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23		
1	Xã Thụ Tri	17	153	17	17	17	17	17	17	17	17	81	9	9	9	9	9	9	9	9	9	giảm 72 tổ chức		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 3D

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN; NGƯỜI THAM GIA KHÁC Ở THÔN VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỎ TRÍ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THƯ TRÌ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /06/2026 của UBND xã Thư Trì)

STT	Tên thôn	Số lượng theo định mức		Số lượng hiện có		Số lượng dự kiến bỏ trí, sắp xếp tại thôn		Số lượng dự kiến dôi dư sau sắp xếp		Phương án giải quyết dôi dư
		Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn	
1	2	3	4	7	8	11	12	15	16	19
1	Thôn Lại Xá Thôn Trung Nha	3	9	4	12	3	9	1	3	Theo quy định
2	Thôn Suý Hằng Thôn Thanh Nội	3	9	4	9	3	9	1	0	Theo quy định
3	Thôn Bùi Xá Thôn Phù Lôi	3	9	4	11	3	9	1	2	Theo quy định
4	Thôn Trung Thôn An Lợi	3	9	3	9	3	9	0	0	Theo quy định
5	Thôn Ba Thôn Nam Hưng Thôn Phú Mãn	3	9	6	16	3	9	3	7	Theo quy định
6	Thôn Hội Thôn Văn Lãng	3	9	4	11	3	9	1	2	Theo quy định
7	Thôn An Đề Thôn Đức Hiệp (Trừ xóm Tự do)	3	9	2	10	3	9	0	1	Theo quy định
8	Thôn Phương Cẻ Thôn Đức Hiệp (Xóm Tự do)	3	9	2	5	3	9	0	0	Theo quy định
9	Thôn Thanh Trai	3	9	2	6	3	9	0	0	Theo quy định
	CỘNG	27	81	31	89	27	81	7	15	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THƯ TRÌ

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ, NHÀ VĂN HÓA
THÔN/TỔ DÂN PHỐ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Thư Trì)

STT	Thôn, TDP trước sắp xếp	Tên Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số lượng hiện có				Số lượng sử dụng				Phương án xử lý				Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao		Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Số lượng đối dư	Phương án			
												Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Thôn Lại Xá	Thôn Đoàn Kết	1	1			2	1	1		1	1			Chưa có sân thể thao
	Thôn Trung Nha		2	1	1						0	0			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
2	Thôn Suý Hăng	Thôn Nội Lãng	2	1	1		2	1	1		1	1			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Thôn Thanh Nội		2	1	1						1	1			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
3	Thôn Bùi Xá	Thôn Minh Lãng	2	1	1		2	1	1		0	0			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Thôn Phù Lôi		1	1	0						1	1			Chưa có sân thể thao
4	Thôn Trung	Thôn Trung	1	0	0		2	1	1		0	0			Chưa có Nhà văn hóa
	Thôn An Lợi		2	1	1						1	1			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
5	Thôn Ba	Thôn Đông Phú	2	1	1		2	1	1		0	0			
	Thôn Nam Hưng		2	1	1						2	2			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Thôn Phú Mãn		2	1	1						2	2			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
6	Thôn Hội	Thôn Văn Hội	1	1	0		2	1	1		0	0			Chưa có sân thể thao
	Thôn Văn Lãng		2	1	1						1	1			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
7	Thôn Phương Cáp	Thôn Phương Cáp	1	1	0		2	1	0		0	0			Chưa có sân thể thao
	Một phần của thôn Đức Hiệp (Xóm Tự do)		0	0	1						0	0			

STT	Thôn, TDP trước sắp xếp	Tên Thôn/ TDP sau sắp xếp	Số lượng hiện có				Số lượng sử dụng				Phương án xử lý				Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao		Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Số lượng đối dư	Phương án			
												Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
8	Thôn An Đề	Thôn Hiệp Hoà	2	1	1		2	1	1		1	1			đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng
	Phần còn lại của Thôn Đức Hiệp		1	1	0					0	0				
9	Thôn Thanh Trai	Thôn Thanh Trai	2	1	1		2	1	1		0	0			
Tổng số			28	16	13	0	18	9	9	0	11	11			